TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 21 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H (Trần Thị H1), sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H (Trần Thị H1) và anh Trương Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H (Trần Thị H1) và anh Trương Văn C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày

08/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Chị Trần Thị H có quyền trực tiếp nuôi cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Trương Tấn P, sinh ngày 03/6/2008. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2024, cháu T, cháu P có nguyện vọng sống với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50%: 150.000đ (*một trăm năm mươi ngàn đồng*), chị H tự nguyện chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001180 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị H còn được nhận lại số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ